

Số: 21/2025/QĐST-HNGĐ

P, ngày 26 tháng 3 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH HUNG YÊN

- Căn cứ vào các điều 212, 213, khoản 4 Điều 397; Điều 149 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các điều 51, 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 15/2025/TLST-HNGĐ ngày 10/3/2025 về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thoả thuận nuôi con khi ly hôn*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

* *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

- Anh Nguyễn Duy S, sinh năm 1989;

Địa chỉ: thôn L, xã Đ, huyện P, tỉnh Hưng Yên.

- Chị Nguyễn Thiên H, sinh năm 1993;

Địa chỉ: Xóm H, xã G, huyện G, tỉnh N.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Cháu Nguyễn Duy Hoàng L, sinh ngày 20/01/2013;

+ Cháu Nguyễn Duy Kh, sinh ngày 06/12/2015;

Cùng địa chỉ: thôn L, xã Đ, huyện P, tỉnh Hưng Yên;

Người đại diện hợp pháp của cháu L, cháu Kh: Anh Nguyễn Duy S và chị Nguyễn Thiên H là bố mẹ đẻ của các cháu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Nguyễn Duy S và chị Nguyễn Thiên H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện P ngày 01/11/2012 theo đúng quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa anh S và chị H là hợp pháp, được pháp luật công nhận là vợ chồng. Quá trình chung sống, tình cảm vợ chồng anh chị bình thường, đến khoảng đầu năm 2018 vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng

quan điểm sống, không có cùng tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra cãi nhau, sống với nhau không có tình cảm, không có hạnh phúc. Hai anh chị đã sống ly thân nhau từ năm 2022 cho đến nay mỗi người ở một nơi, vợ chồng không chung sống cùng nhau, không ai còn quan tâm và có trách nhiệm với nhau nữa. Đến nay, anh chị đều xác định không còn tình cảm vợ chồng với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, anh chị đã thoả thuận thống nhất thuận tình ly hôn, yêu cầu Toà án công nhận thuận tình ly hôn cho anh chị theo quy định của pháp luật.

[2] Về con chung: Anh S và H đều xác nhận, anh chị có 02 con chung là các cháu Nguyễn Duy Hoàng L, sinh ngày 20/01/2013 và cháu Nguyễn Duy Kh, sinh ngày 06/12/2015. Hiện nay cả hai cháu đang ở với anh S. Ly hôn, hai anh chị đã thoả thuận thống nhất giao cháu L cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao cháu Kh cho anh S tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi cháu L và cháu Kh đủ 18 tuổi. Hai anh chị thoả thuận mỗi người nuôi một cháu nên không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào và có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục các con chung.

[3] Về tài sản chung, nợ chung, công sức, ruộng canh tác: Anh S và chị H có chung quan điểm xác định, anh chị không có tài sản chung, không có nợ chung, không có công sức đóng góp cho hai bên gia đình, không có ruộng canh tác chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Anh S và chị H có chung quan điểm, anh chị đã thoả thuận thống nhất, để anh S tự nguyện nhận chịu toàn bộ lệ phí yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn.

Xét thấy, việc thoả thuận các vấn đề trong vụ việc của các đương sự được ghi nhận trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành lập ngày 18/3/2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên cần được chấp nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân Anh Nguyễn Duy S và chị Nguyễn Thiên H thoả thuận nhất trí thuận tình ly hôn.

1.2. Về con chung: Anh Nguyễn Duy S và chị Nguyễn Thiên H xác nhận, vợ chồng có 02 con chung là các cháu Nguyễn Duy Hoàng L, sinh ngày 20/01/2013 và cháu Nguyễn Duy Kh, sinh ngày 06/12/2015. Ly hôn, anh S và chị H thoả thuận thống nhất giao cháu L cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục từ tháng 3/2025 cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi; giao cháu Kh cho anh S tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục từ tháng 3/2025 cho đến khi cháu Kh đủ 18 tuổi. Anh S và chị H thoả thuận, mỗi người nuôi một cháu nên không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào. Sau khi ly hôn, anh Nguyễn Duy S và chị Nguyễn Thiên H được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục các con chung không ai được cản trở.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung, công sức, ruộng canh tác: Anh Nguyễn Duy S và chị Nguyễn Thiên H đều xác định, vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung, không có công sức đóng góp, không có ruộng canh tác chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Nguyễn Duy S và chị Nguyễn Thiên H thỏa thuận, anh S tự nguyện nhận chịu toàn bộ 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tiền lệ phí sơ thẩm việc hôn nhân và gia đình nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí anh S đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số BLTU/24/0004559 ngày 10/3/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Hưng Yên. Anh S đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- Các đương sự;
- Phòng kiểm tra NVXX và THAHS
- TAND tỉnh Hưng Yên;
- UBND xã Đ, GCNKH số

65/2012;

- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Bùi Mạnh Quyền